

2. Quy định lại chế độ phụ cấp về người phục vụ đối với cán bộ cao cấp như sau:

Bộ trưởng và các cán bộ có chức vụ tương đương, có mức lương 770 đồng/tháng (bao gồm cả Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh) được phụ cấp 220 đồng/tháng; Thứ trưởng và các cán bộ có chức vụ tương đương, có mức lương 668 đồng và 718 đồng/tháng (bao gồm cả Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố Hải Phòng, các tỉnh và đặc khu trực thuộc Trung ương) được phụ cấp 110 đồng/tháng.

Khi thôi giữ các chức vụ kể trên hoặc nghỉ hưu thì thôi hưởng phụ cấp (trừ trường hợp thật đặc biệt).

Các cán bộ khoa học kỹ thuật và chuyên viên cao cấp có mức lương 743 đồng/tháng được phụ cấp về người phục vụ 110đ/tháng. Khi nghỉ hưu thì thôi hưởng phụ cấp này.

3. Các khoản phụ cấp nói ở điểm 1 và 2 trên đây được cộng thêm phụ cấp chênh lệch giá sinh hoạt theo vùng quy định tại điểm 2 điều 5 Nghị định số 235-HĐBT ngày 18 tháng 9 năm 1985 của Hội đồng Bộ trưởng về cải tiến chế độ tiền lương của công nhân, viên chức và các lực lượng vũ trang.

4. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 1 tháng 9 năm 1985

K.T. Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng
 Phó Chủ tịch
TỔ HỮU

CHỈ THỊ của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng số 369-CT ngày 29-11-1985 về việc giải quyết giá giao nhận giữa các cơ sở sản xuất và lưu thông, giữa trung ương và địa phương

Đề bảo đảm lưu thông hàng hóa được bình thường phục vụ kịp thời sản xuất

và đời sống, theo đề nghị của Chủ nhiệm Ủy ban Vật giá Nhà nước và các ngành có liên quan, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng quyết định một số chủ trương, biện pháp giải quyết giá giao nhận giữa cơ sở sản xuất và lưu thông, giữa trung ương và địa phương, như sau:

1. Đối với những mặt hàng mà Hội đồng Bộ trưởng, Ủy ban Vật giá Nhà nước, Bộ Nội thương và các Bộ đã quyết định giá bán lẻ thì xí nghiệp sản xuất giao cho cơ quan thương nghiệp theo giá bán lẻ mới trừ (-) chiết khấu thương nghiệp.

Nếu giá giao hàng được xác định theo nguyên tắc trên mà thấp hơn giá bán buôn xí nghiệp của những sản phẩm được sản xuất ra từ ngày 1-10-1985 trở đi thì giải quyết như sau:

a) Trước hết, Bộ chủ quản, hoặc Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc trung ương (sau đây gọi tắt là tỉnh) cùng các ngành có liên quan chỉ đạo ngay cơ sở sản xuất soát xét lại từng yếu tố chi phí, đặc biệt là rà soát lại các định mức về tiêu hao vật chất và lao động, đồng thời giúp đỡ giải quyết các khó khăn mắc mứu của cơ sở về tổ chức sắp xếp lại sản xuất, cải tiến trang thiết bị kỹ thuật, cung ứng năng lượng, vật tư, nhiên liệu... để từ đó tính toán hạ giá thành, xác định được giá bán buôn xí nghiệp, và giữ được giá bán lẻ chỉ đạo của Nhà nước mà xí nghiệp không bị lỗ.

b) Trong khi chưa thực hiện ngay được các biện pháp trên thì tạm thời xử lý như sau:

— Đối với những mặt hàng thiết yếu đã được Hội đồng Bộ trưởng quyết định giá bán lẻ chuẩn trong Quyết định số 244-HĐBT ngày 20-9-1985 và các quyết định giá do Ủy ban Vật giá Nhà nước và Bộ Nội thương cụ thể hóa giá chuẩn thì xí nghiệp giao hàng theo giá bán buôn xí nghiệp do cấp có thẩm quyền duyệt. Trong trường hợp giá bán buôn xí nghiệp đội giá bán lẻ thì ngân sách Nhà nước cấp bù lỗ cho các công ty kinh doanh thuộc hệ thống nội thương. Những mặt hàng thuộc diện được

www.ThuVienPhapLuat.com
 Tel: +84-8-3845 6684

cấp bù lỗ, nếu thuộc thẩm quyền quyết định giá của địa phương thì do Ủy ban Nhân dân tỉnh quyết định.

— Đối với những mặt hàng khác thuộc thẩm quyền quyết định giá bán lẻ của Ủy ban Vật giá Nhà nước, của Bộ Nội thương và của các Bộ thì Bộ chủ quản sản xuất hoặc Ủy ban Nhân dân tỉnh thông báo dự kiến giá bán buôn xí nghiệp (đã soát xét lại một cách chặt chẽ) đề Ủy ban Vật giá Nhà nước cùng các Bộ có liên quan xem xét lại giá bán lẻ chỉ đạo mới. Nếu xét có thể điều chỉnh giá bán lẻ để sản xuất không lỗ và xã hội chấp nhận thì Ủy ban Vật giá Nhà nước, Bộ Nội thương hoặc Bộ chủ quản, theo thẩm quyền của mình, điều chỉnh lại giá bán lẻ và quyết định giá bán buôn xí nghiệp để làm cơ sở cho việc xác định giá giao nhận. Nếu xét chưa có điều kiện điều chỉnh giá bán lẻ thì các đơn vị kinh doanh thương nghiệp nhận hàng của các xí nghiệp sản xuất theo giá bán buôn xí nghiệp đã được các cơ quan có thẩm quyền quyết định; phần chênh lệch giữa giá bán buôn xí nghiệp và giá bán lẻ được xử lý bằng cách ngân sách Nhà nước xét cấp bù lỗ cho các đơn vị bán buôn Trung ương.

Sau khi đã giải quyết như trên mà thương nghiệp vẫn không nhận tiêu thụ hàng theo kế hoạch thì cho phép xí nghiệp được tìm khách hàng hoặc mở cửa hàng tiêu thụ sản phẩm của mình. Xí nghiệp phải chấp hành các chính sách chế độ về quản lý thị trường và giá cả của Nhà nước.

— Đối với những sản phẩm không thuộc diện Nhà nước (trung ương hay địa phương) quyết định giá thì cơ sở sản xuất và cơ quan tiêu thụ thỏa thuận giá mua, giá bán theo nguyên tắc *mua được, bán được, ngân sách không bù lỗ*.

2. Đối với những mặt hàng do trung ương chỉ đạo giá bán lẻ thì thương nghiệp cấp I giao hàng cho thương nghiệp cấp II theo giá bán lẻ mới trừ (-) chiết khấu thương nghiệp cấp II. Bộ Nội thương và

các Bộ chủ quản có trách nhiệm chỉ đạo các công ty bán buôn trung ương giao hàng cho địa phương theo đúng địa điểm đã quy định trong các quyết định giá. Nếu do khó khăn về phương tiện vận tải mà địa phương phải nhận hàng tại nhà máy, tại kho cấp I hoặc các địa điểm khác xa hơn địa điểm quy định thì các công ty cấp I phải thanh toán cho cấp II chi phí vận chuyển thực tế hợp lý.

3. Đối với những mặt hàng chưa có giá bán lẻ của các cấp có thẩm quyền thì các xí nghiệp sản xuất phải nhanh chóng tính toán lại giá thành, xây dựng giá bán buôn xí nghiệp trình cơ quan có thẩm quyền duyệt. Bộ chủ quản, hoặc Ủy ban Nhân dân tỉnh cùng Ủy ban Vật giá Nhà nước và các ngành có liên quan căn cứ vào những quy định của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng trong Chỉ thị số 326-CT ngày 29-9-1985 quyết định giá bán lẻ những mặt hàng thuộc thẩm quyền quyết định giá của mình để làm cơ sở xác định giá giao hàng giữa các đơn vị sản xuất và lưu thông.

Trong khi chờ đợi tính toán, xét duyệt lại giá thành và giá bán buôn xí nghiệp, nếu đơn vị sản xuất và đơn vị lưu thông thấy rằng có thể tiếp tục giao nhận hàng hóa theo giá kinh doanh thương nghiệp trừ lùi chiết khấu thương nghiệp mà vẫn bảo đảm được hạch toán kinh tế của cả hai bên thì tiếp tục giao nhận theo giá đó. Khi nào tính toán và xét duyệt xong sẽ giao hàng theo giá mới.

4. Chiết khấu thương nghiệp làm cơ sở xác định giá giao nhận hàng được tạm thời tính bằng tỷ lệ hiện hành trên giá bán lẻ mới (tỷ lệ quy định trong Thông tư liên bộ số 31-TT-LB ngày 22-12-1981 của Ủy ban Vật giá Nhà nước, Bộ Tài chính và Bộ Nội thương). Các đơn vị sản xuất và lưu thông được phép vận dụng linh hoạt tỷ lệ chiết khấu trên nguyên tắc bảo đảm cả lợi ích của đơn vị sản xuất và đơn vị lưu thông.

Bộ Nội thương và các Bộ kinh doanh có trách nhiệm nghiên cứu sắp xếp lại mạng lưới kinh doanh thương nghiệp, cắt bỏ những khâu trung gian không cần thiết để có chi phí lưu thông hợp lý. Ủy ban Vật giá Nhà nước cùng Bộ Tài chính, Bộ Nội thương và các Bộ chủ quản sản xuất kinh doanh có liên quan khẩn trương nghiên cứu xây dựng hệ thống chiết khấu mới cho phù hợp với giá mới để thi hành vào đầu năm 1986.

5. Để khắc phục tình trạng lưu thông hàng hóa qua nhiều khâu trung gian, các đơn vị thương nghiệp bán lẻ lớn được phép nhận hàng trực tiếp từ các xí nghiệp sản xuất theo kế hoạch phân phối của cơ quan chủ quản và theo giá bán lẻ do cơ quan có thẩm quyền quyết định trừ lùi chiết khấu bán lẻ.

6. Đối với hàng công nghiệp tiêu dùng giao cho xuất khẩu, nếu có giá bán lẻ chỉ đạo trong nước thì giá giao cũng được xác định theo nguyên tắc quy định tại điểm 1 trong chỉ thị này; nếu là hàng chuyên cho xuất khẩu, không có tiêu thụ trong nước thì cơ quan vật giá cùng xí nghiệp sản xuất, cơ quan kinh doanh ngoại thương căn cứ tỷ giá hàng xuất quy định cho từng nhóm hàng và hiệu quả kinh tế của xuất khẩu để xác định giá giao hàng cho hợp lý.

Nhận được chỉ thị này, các ngành, các địa phương cần khẩn trương thi hành, tháo gỡ vướng mắc cho cơ sở sản xuất, kinh doanh. Ủy ban Vật giá Nhà nước có trách nhiệm theo dõi tình hình thực hiện chỉ thị này và tổng hợp báo cáo Hội đồng Bộ trưởng.

K.T. Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng

Phó Chủ tịch

TRẦN PHƯƠNG

CHỈ THỊ của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng số 373-CT ngày 5-12-1985 về việc đẩy mạnh chương trình tiêm chủng mở rộng cho trẻ em trong cả nước.

Từ năm 1981 đến năm 1984, với sự viện trợ quốc tế, đặc biệt là hai tổ chức Quỹ nhi đồng Liên hợp quốc (UNICEF) và Y tế thế giới (WHO), Bộ Y tế đã triển khai chương trình tiêm chủng mở rộng cho trên 200.000 trẻ em dưới 1 tuổi ở 1.813 xã, phường thuộc 166 huyện, quận của 20 tỉnh, thành phố, để phòng 6 bệnh truyền nhiễm mà trẻ em hay mắc là lao, bại liệt, sởi, bạch hầu, uốn ván, ho gà.

Kết quả trên được các tổ chức UNICEF WHO đánh giá tốt và đề nghị nước ta phát triển chương trình tiêm chủng mở rộng cho trẻ em xong trước năm 1990, để rút kinh nghiệm cho các nước trong khu vực.

Để thực hiện chương trình này do UNICEF viện trợ, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng chỉ thị:

1. Các tỉnh, thành phố và đặc khu trực thuộc trung ương phải triển khai chương trình tiêm chủng mở rộng cho trẻ em trong thời gian từ tháng 12 năm 1985 đến năm 1988. Riêng các tỉnh, thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Quảng Nam — Đà Nẵng, Hà Nam Ninh, Thanh Hóa, Thái Bình, Bình Trị Thiên, Long An, Tiền Giang, cần phấn đấu hoàn thành chương trình này trước năm 1988 với tỷ lệ tiêm chủng cao, để rút kinh nghiệm cho các địa phương khác.

Ngoài việc tiêm chủng thường xuyên khác, từ nay đến hết năm 1988, nước ta chăm lo thực hiện chương trình tiêm chủng mở rộng cho trẻ em theo quy định của Bộ Y tế.

Căn cứ vào sự hướng dẫn của Bộ Y tế, các tỉnh, thành phố và đặc khu trực thuộc